

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Đông và bà Trần Thúy Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp P, xã C, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp Phú Thọ, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-7-2022, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Cường, huyện Định Quán, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23-02-2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, chị T và anh N đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay chị T nhận thấy không còn tình

cảm với anh N nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con: Theo chị T, chị và anh N có 02 người con chung Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 16-01-2011 và Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 13-02-2016. Khi ly hôn chị T tự nguyện giao các con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung.

Về tài sản chung: Theo chị T, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị T, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên chị T đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 31-01-2023 bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phú Cường, huyện Định Quán vào ngày 23-02-2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn không giải quyết được nên đến năm 2017 chị T tự ý bỏ nhà đi cho đến nay, anh và chị T không còn sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh N đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 02 người con chung Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 16-01-2011 và Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 13-02-2016, hiện nay các con chung do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, anh N đồng ý với việc chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng /tháng cho mỗi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh N xác định, vợ chồng không có nợ chung.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị Nguyễn Thị N T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Về con: Đề nghị giao các con chung Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 16-01-2011 và Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 13-02-2016 cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn N, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh N có nơi cư trú tại: Ấp Phú Thọ, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phú Cường, huyện Định Quán, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 23-02-2016. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Trên cơ sở lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị T và anh N đã không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án anh N cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh N có 02 (Hai) người con là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 16-01-2011 và Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 13-02-2016. Khi ly hôn, chị T tự nguyện giao các con chung cho anh N nuôi dưỡng được anh N đồng ý. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, con chung sống cùng anh N, do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, đề không xáo trộn đời sống của con trẻ cần tiếp tục giao các con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung nên ghi nhận sự tự nguyện này.

[6] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chị T còn phải chịu án phí về cấp dưỡng.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con: Giao các con chung Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 16-01-2011 và Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 13-02-2016 cho anh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)/tháng (2.000.000đ/người con/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con thành niên và đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền chưa thanh toán và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003978 ngày 30-11-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Chị T còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Cường (GCNKH số 11/2016, ngày 23-02-2016) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Cẩm Phường